TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI** Bản án số: 19/2019/DS-ST Ngày 30 - 7 - 2019 "V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Bảo

2. Bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, đường L, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 173/NHNoIGĐGL-GUQ ngày 20-6-2019 của Ngân hàng N Chi nhánh G)*: Bà Lê Nguyễn Phương U; địa chỉ: Số B, đường H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh huyện G có cho ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 2174/2017/HĐTD ngày 01-6-2017 như sau: Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; mục đích vay là chăm sóc 03 héc ta cà phê và mua vườn; thời hạn vay là 24 tháng từ ngày 01-6-2017 đến 01-6-2019; phương thức trả nợ là lãi trả 03 tháng/lần (có thỏa thuận trả lãi hàng tháng), nợ gốc trả thành 02 lần là ngày 01-6-2018 trả 50.000.000 đồng, ngày 01-6-2019 trả 950.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm vay là 11%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H và bà A chỉ trả được số tiền lãi đến ngày 01-9-2017 là 28.416.667 đồng. Do ông H và bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đến ngày 02-12-2017 Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với ông H và bà A có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1200517/HĐTC ngày 31-5-2017, tài sản thế

chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43 tại xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 670660 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13-01-2017 cho ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị N, cập nhật thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Tô Quang H.

Do ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng N yêu cầu: Buộc ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ là 1.273.493.151 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 30-7-2019 trong hạn là 209.753.425 đồng, nợ lãi quá hạn là 63.739.726 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Trường hợp ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A không trả hết số tiền còn nợ thì Ngân hàng N yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Tô Quang H và Hoàng Thị A đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông H và bà A cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông H và bà A.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Văn bản ủy quyền số 173/NHNoIGĐGL-GUQ ngày 20-6-2019 của Ngân hàng N Chi nhánh huyện G; Quyết định ủy quyền ngày 19-6-2014; Bảng kê tính lãi ngày 27-9-2018; Bảng kê tính lãi ngày 30-7-2019; Giấy đề nghị vay vốn ngày 01-6-2017; Dự án sản xuất kinh doanh, dịch vụ ngày 01-6-2017; Bảng kê chi phí kèm theo phương án vay vốn ngày 01-6-2017; Hợp đồng tín dụng ngày 01-6-2017; Theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ ngày 01-6-2017; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 31-5-2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 31-5-2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 670660 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13-01-2017; Quyết định số 600 ngày 23-4-2012 và Điều lệ của N; Biên bản xác minh ngày 15-10-2018 và ngày 26-02-2019 của Tòa án; Đơn yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; Thông báo số 375 ngày 13-11-2018; Biên nhận ngày 20-12-2018; 03 Công văn số 207, 208, 209 ngày 24-12-2018; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09-01-2019; Hợp đồng thông báo – nhắn tin ngày 08-01-2019; Phiếu thu ngày 08-01-2019; 02 Giấy nộp tiền ngày 08-01-2019; 03 số báo Nhân Dân; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07-5-2019.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân

hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về vay tài sản và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn Tô Quang H và Hoàng Thị A đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 2174/2017/HĐTD ngày 01-6-2017 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ Luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 1.273.493.151 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 30-7-2019 trong hạn là 209.753.425 đồng, nợ lãi quá hạn là 63.739.726 đồng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông H và bà A có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1200517/HĐTC ngày 31-5-2017, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43 tại xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 670660 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13-01-2017 cho ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị N, cập nhật thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Tô Quang H. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện.

Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 07-5-2019 thấy rằng, mặc dù tài sản trên đất trong hợp đồng thể hiện là 3.000 cây cà phê vối trồng năm 2007 nhưng hiện trạng thực tế trên đất không có tài sản gì. Tuy nhiên điều này không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng và Hội đồng xét xử giải quyết việc xử lý tài sản thế chấp theo đúng hiện trạng đã được xem xét và thẩm định tại chỗ để bảo đảm cho việc thi hành án.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm

2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B.

2. Buộc ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ tính đến ngày 30-7- 2019 là 1.273.493.151 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), nợ lãi trong hạn là 209.753.425 đồng (Hai trăm không chín triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 63.739.726 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

3. Trong trường hợp ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43 tại xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 670660 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13-01-2017 cho ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị N, cập nhật thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Tô Quang H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1200517/HĐTC ngày 31-5-2017 được giao kết giữa Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện G với ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Buộc ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A phải trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Tô Quang H và bà Hoàng Thị A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 50.204.795 đồng (Năm mươi triệu hai trăm không bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng). Ngân hàng N không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.805.719 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm không năm nghìn bảy trăm mươi chín đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004906 ngày 05-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính